

Số: 982 /QĐ-UBND

Quận 11, ngày 05 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận kết quả tuyển dụng viên chức
Ngành Giáo dục và Đào tạo năm học 2021 - 2022**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 11

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11
năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của
Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nghị định
số 33/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết
và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm
2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của
Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;*

*Căn cứ Thông tư số 6/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ
Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi
nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên
chức; nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công
chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;*

*Căn cứ Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Ủy
ban nhân dân Quận 11 về tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo
năm học 2021 – 2022;*

*Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng viên chức ngành Giáo
dục và Đào tạo năm học 2021- 2022 tại Tờ trình số .48.../TTr-HĐTDVC
ngày 04. tháng 5. năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận kết quả tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và
Đào tạo năm học 2021 – 2022 đối với 89 trường hợp (đính kèm danh sách).

Điều 2. Giao Hội đồng tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo năm
học 2021 - 2022 thông báo kết quả tuyển dụng bằng văn bản tới người dự tuyển

qua đường bưu điện theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký và thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Quận.

Điều 3. Giao Phòng Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thí sinh trúng tuyển hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng tại đơn vị đăng ký dự tuyển. Đồng thời, tổng hợp hồ sơ tuyển dụng sau khi hoàn thiện của các đơn vị trường học trình Ủy ban nhân dân Quận ban hành Quyết định tuyển dụng;

Điều 4. Giao Hiệu trưởng các đơn vị trường học tiếp nhận hồ sơ của thí sinh trúng tuyển; thẩm tra, xác minh văn bằng, chứng chỉ của người trúng tuyển bảo đảm chính xác theo quy định, sau đó đề nghị Phòng Giáo dục và Đào tạo trình Ủy ban nhân dân Quận ban hành Quyết định tuyển dụng. Đồng thời, ký kết hợp đồng làm việc đối với người trúng tuyển sau khi Ủy ban nhân dân Quận ban hành Quyết định tuyển dụng.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân, Trưởng Phòng Nội vụ, Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các ông (bà) có tên trong danh sách đính kèm chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- UBND Quận (CT, PCT/Vx);
- Phòng Tài chính – Kế hoạch;
- Lưu: VT, NV, Hương (05b).



CHỦ TỊCH

Trần Phi Long

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG (XÉT TUYỂN)
VIỆN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2021 - 2022 ĐỐI VỚI BẠC MẦM NON
 (Ban hành kèm theo Quyết định số 982 /QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Quận 11)

STT	Họ và Tên	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Vị trí đăng ký tuyển dụng	Đơn vị đăng ký xét tuyển	Nhu cầu tuyển dụng	Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn (Đơn vị tính: điểm, tối đa 100 điểm)			Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
		Nam	Nữ							Giám khảo 1	Giám khảo 2	Điểm Trung bình			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Trần Tâm Linh		08/10/1986	Đại học	Giáo dục Mầm non	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Phường 2	1		90	92	91		91	Trúng tuyển
2	Phạm Thị Thủy		07/04/1988	Đại học	Giáo dục Mầm non	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Phường 3	2		72	70	71		71	Trúng tuyển
3	Đặng Thị Ngọc Tiên		17/12/1986	Đại học	Giáo dục Mầm non	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Phường 3			60	60	60		60	Trúng tuyển
4	Nguyễn Như Quỳnh		18/11/1997	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Phường 4			75	75	75		75	Trúng tuyển
5	Nguyễn Lê Anh Thư		20/01/1989	Đại học	Giáo dục Mầm non	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Phường 4	4		65	70	67,5		67,5	Trúng tuyển
6	Đoàn Phương Thủy Dung		12/01/1993	Đại học	Giáo dục Mầm non	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Phường 4			65	65	65		65	Trúng tuyển
7	Phạm Thị Phương Thảo		09/02/1987	Đại học	Giáo dục Mầm non	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Phường 5	2		75	75	75		75	Trúng tuyển
8	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh		02/3/1998	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Phường 5			70	70	70		70	Trúng tuyển
9	Lê Kim Thanh		13/03/1981	Đại học	Kế toán	Kế toán	Trường Mầm non 10	1		70	70	70		70	Trúng tuyển
10	Nguyễn Thị Ngọc Thương		20/06/1995	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 10	2		80	80	80		80	Trúng tuyển
11	Nguyễn Thị Kim Phụng		15/04/1989	Cao đẳng	Kế toán	Kế toán	Trường Mầm non Phường 12	1		70	70	70		70	Trúng tuyển
12	Trần Ngọc Hân		13/05/1996	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Phường 13		Con thương binh loại B	75	75	75	5	80	Trúng tuyển

STT	Họ và Tên	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Vị trí đăng ký tuyển dụng	Đơn vị đăng ký xét tuyển	Nhu cầu tuyển dụng	Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn (Đơn vị tính: điểm, tối đa 100 điểm)			Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
		Nam	Nữ							Giám khảo 1	Giám khảo 2	Điểm Trung bình			
13	Huỳnh Ngọc Thúy		09/08/1976	Đại học	Giáo dục Mầm non	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Phường 13	2		55	55	55		55	Trúng tuyển
14	Trang Thị Kim Ngân		10/01/2000	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Phường 14	5		85	90	87,5		87,5	Trúng tuyển
15	Đoàn Thị Phương Ngân		30/03/2000	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Phường 14			75	75	75		75	Trúng tuyển
16	Tất Thục Liên		25/04/1999	Đại học	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Phường 14		Dân tộc Hoa	70	65	67,5	5	72,5	Trúng tuyển
17	Lê Thị Thu Trang		23/04/1999	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Phường 14			55	60	57,5		57,5	Trúng tuyển
18	Phùng Thị Thủy Trâm		04/09/1984	Trung cấp	Trung cấp kế toán	Văn thư	Trường Mầm non Phường 14	1		80	85	82,5		82,5	Trúng tuyển
19	Bùi Thị Minh Ngọc		09/02/1982	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Phường 16	4		70	65	67,5		67,5	Trúng tuyển
20	Nguyễn Thị Huyền Trân		12/12/1997	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Phường 16			70	65	67,5		67,5	Trúng tuyển
21	Phan Thị Kim Thoa		19/10/1978	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Phường 16			65	60	62,5		62,5	Trúng tuyển
22	Lý Dương Ngọc Nga		05/07/2000	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Quận	5	Dân tộc Hoa	70	72	71	5	76	Trúng tuyển
23	Trần Thị Thanh Loan		20/02/1999	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Quận			70	72	71		71	Trúng tuyển
24	Mai Thị Triều Thu		10/10/2000	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Quận			65	68	66,5		66,5	Trúng tuyển
25	Cao Thị Huyền Trang		08/05/1998	Đại học	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Quận			45	48	46,5		46,5	Không trúng tuyển

Tổng cộng danh sách có 25 trường hợp; trong đó: 24 trường hợp trúng tuyển, 01 trường hợp không trúng tuyển



DANH SÁCH KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG (XÉT TUYỂN)
VIỆN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2021 - 2022 ĐỐI VỚI BẠC TIỂU HỌC
(Ban hành kèm theo Quyết định số 982 /QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Quận 11)

STT	Họ và Tên	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Vị trí đăng ký tuyển dụng	Đơn vị đăng ký xét tuyển	Nhu cầu tuyển dụng	Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn (Đơn vị tính: điểm, tối đa 100 điểm)				Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
		Nam	Nữ							Giám khảo 1	Giám khảo 2	Điểm Trung bình					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
1	Nguyễn Thị Huệ		22/03/1999	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Hưng Việt	1		80	80	80		80	Trúng tuyển		
2	Huỳnh Thị Mai Trán		24/05/1994	Đại học	Ngôn ngữ anh	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Hưng Việt	1		85	85	85		85	Trúng tuyển		
3	Nguyễn Công Minh	10/08/1999		Đại học	Giáo dục Thể chất	Giáo viên Thể dục	Trường Tiểu học Hưng Việt	1		80	80	80		80	Trúng tuyển		
4	Lê Thị Thanh Quý		10/10/1996	Đại học	Sư phạm Tiếng anh	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Nguyễn Thi	2		60	60	60		60	Trúng tuyển		
5	Nguyễn Ngọc Đan Thanh		16/08/1996	Đại học	Kế toán	Kế toán	Trường Tiểu học Nguyễn Thi	1		70	70	70		70	Trúng tuyển		
6	Phạm Thị Tuyết Mai		12/07/1998	Đại học	Sư phạm Tiếng anh	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Hòa Bình	1		60	60	60		60	Trúng tuyển		
7	Nguyễn Nguyễn Khôi	06/10/1987		Đại học	Thiết kế hoạt hình	Giáo viên Mỹ thuật	Trường Tiểu học Trần Văn Ôn	1		60	60	60		60	Trúng tuyển		
8	Hoàng Thị Kim Dung		11/10/1992	Đại học	Sư phạm Tiếng anh	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Trần Văn Ôn	1		55	50	52,5		52,5	Trúng tuyển		
9	Lê Ngọc Diệp		19/09/1987	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Âu Cơ	3		60	60	60		60	Trúng tuyển		
10	Huỳnh Thị Hớp		10/11/1997	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Âu Cơ				50	50	50		50	Trúng tuyển	
11	Nguyễn Thị Thùy Hương		08/08/1978	Đại học	Ngữ Văn Anh	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Âu Cơ	1		80	80	80		80	Trúng tuyển		
12	Lê Xuân Minh Phương		30/09/1999	Đại học	Giáo dục tiểu học	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Lạc Long Quân			80	80	80		80	Trúng tuyển		

Page 2

STT	Họ và Tên	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Vị trí đăng ký tuyển dụng	Đơn vị đăng ký xét tuyển	Nhu cầu tuyển dụng	Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn (Đơn vị tính: điểm, tối đa 100 điểm)				Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
		Nam	Nữ							Giám khảo 1	Giám khảo 2	Điểm Trung bình					
13	Hoàng Thị Hồng		20/01/1999	Đại học	Giáo dục tiểu học	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	4		65	70	67,5		67,5	Trúng tuyển		
14	Trương Hoàng Thông	11/04/1999		Đại học	Giáo dục Tiểu học	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Lạc Long Quân				60	60	60		60	Trúng tuyển	
15	Ngô Huệ Linh		28/10/1998	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Lạc Long Quân			Dân tộc Hoa	45	40	42,5	5	47,5	Không trúng tuyển	
16	Nguyễn Thị Tú Trinh		26/04/1996	Đại học	Giáo dục tiểu học	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Hàn Hải Nguyên	1		70	70	70		70	Trúng tuyển		
17	Phan Nguyễn Cẩm Tú		02/7/1998	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Hải Nguyên	1		55	50	52,5		52,5	Trúng tuyển		
18	Phan Hà Thanh Trang		26/11/1995	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Thái Phiên	1		80	80	80		80	Trúng tuyển		
19	Phạm Thị Ngọc Quyền		19/9/1986	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Phùng Hưng	2		70	72	71		71	Trúng tuyển		
20	Đinh Thị Nguyên		12/02/1990	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Phùng Hưng				60	60	60		60	Trúng tuyển	
21	Trần Thị Bảo Châu		02/06/1974	Đại học	Tài chính Kế toán	Nhân viên Văn thư	Trường Tiểu học Phùng Hưng	1		70	71	70,5		70,5	Trúng tuyển		
22	Nguyễn Văn Hội	30/03/1986		Đại học	Giáo dục Tiểu học	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ	1		65	65	65		65	Trúng tuyển		
23	Nguyễn Thị Ngọc Châu		01/08/1973	Đại học	Ngữ văn Anh	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Phú Thọ	2		75	75	75		75	Trúng tuyển		
24	Lương Phạm Phương Lan		03/05/1991	Đại học	Ngôn Ngữ Anh	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Phú Thọ				70	70	70		70	Trúng tuyển	
25	Lê Ngọc Lam Tuyền		23/01/1985	Trung cấp	Y sĩ	Nhân viên y tế	Trường Tiểu học Phú Thọ	1		75	75	75		75	Trúng tuyển		
26	Nguyễn Hồng Nga		16/11/1973	Đại học	Tài chính	Kế toán	Trường Tiểu học Quyết Thắng	1		55	50	52,5		52,5	Trúng tuyển		
27	Ngô Thụy Minh Trang		26/01/1991	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Trưng Trắc	1		70	70	70		70	Trúng tuyển		
28	Lê Thị Thanh Xuân		17/02/1995	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Đại Thành	3		80	80	80		80	Trúng tuyển		

STT	Họ và Tên	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Vị trí đăng ký tuyển dụng	Đơn vị đăng ký xét tuyển	Nhu cầu tuyển dụng	Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn (Đơn vị tính: điểm, tối đa 100 điểm)			Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú	
		Nam	Nữ							Giám khảo 1	Giám khảo 2	Điểm Trung bình					
29	Tiêu Hải Ngọc Yến		15/06/1900	Đại học	Ngôn Ngữ Anh	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Nguyễn Thị Nhỏ	1			65	65	65		65	Trúng tuyển	
30	Nguyễn Ngọc Phương Giang		15/06/1997	Đại học	Giáo dục tiểu học	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Đình Chinh	1			80	80	80		80	Trúng tuyển	

Tổng cộng danh sách có 30 trường hợp; trong đó: 29 trường hợp trúng tuyển, 01 trường hợp không trúng tuyển



DANH SÁCH KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG (KẾT TUYỂN)
VIỆN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2021 - 2022 ĐỐI VỚI BẮC TRUNG HỌC CƠ SỞ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 982/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Quận 11)

STT	Họ và Tên	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Vị trí đăng ký tuyển dụng	Đơn vị đăng ký xét tuyển	Nhu cầu tuyển dụng	Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn (Đơn vị tính: điểm, tối đa 100 điểm)			Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
		Nam	Nữ							Giám khảo 1	Giám khảo 2	Điểm Trung bình				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	Mai Hoàng Yến		21/11/1993	Đại học	Văn học	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Lê Anh Xuân	1	Dân tộc Hoa	90	90	90	5	95	Trúng tuyển	
2	Nguyễn Thị Minh Tuyền		28/06/1991	Thạc sĩ	Văn học Việt Nam	Giáo viên Ngữ Văn	Trường THCS Lê Anh Xuân			75	75	75		75	Không trúng tuyển	
3	Trần Mỹ Như		08/03/1998	Đại học	Sư phạm Lịch sử	Giáo viên Lịch sử	Trường THCS Lê Anh Xuân	1	Dân tộc Hoa	90	90	90	5	95	Trúng tuyển	
4	Kiều Thị Thiên Phương		25/07/1969	Trung cấp	Y sĩ	Y tế	Trường THCS Lê Anh Xuân	1		54	50	52		52	Trúng tuyển	
5	Trần Văn Hồng	04/04/1993		Đại học	Giáo dục Thể chất	Giáo viên Thể dục - Kiểm Tổng phụ trách Đội	Trường THCS Nguyễn Văn Phú	1		95	95	95		95	Trúng tuyển	
6	Nguyễn Thị Mỹ Tiên		20/08/1997	Đại học	Giáo dục chính trị	Giáo viên Giáo dục Công dân	Trường THCS Lê Quý Đôn	1	Dân tộc Hoa	92	89	90,5		90,5	Trúng tuyển	
7	Trần Bảo Trân		19/06/1995	Đại học	Giáo dục chính trị	Giáo viên Giáo dục công dân	Trường THCS Lê Quý Đôn			77	79	78	5	83	Không trúng tuyển	
8	Biện Thị Chiến		18/02/1999	Đại học	Giáo dục chính trị	Giáo viên Giáo dục công dân	Trường THCS Lê Quý Đôn			65	60	62,5		62,5	Không trúng tuyển	
9	Vũ Thị Hồng		20/07/1995	Đại học	Ngôn Ngữ Anh	Giáo viên Tiếng Anh	Trường THCS Nguyễn Huệ	1		91	90	90,5		90,5	Trúng tuyển	
10	Dương Thị Như		28/06/1998	Đại học	Sư phạm Tiếng anh	Giáo viên Tiếng Anh	Trường THCS Nguyễn Huệ			81	79	80		80	Không trúng tuyển	
11	Ngô Thị Quỳnh Nhi		02/03/1994	Đại học	Sư phạm Vật lý	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Nguyễn Huệ			92	90	91		91	Trúng tuyển	
12	Phạm Thị Ánh Nguyệt		17/12/1993	Đại học	Sư phạm Vật lý	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Nguyễn Huệ			81	85	83		83	Không trúng tuyển	
13	Trần Thị Thu Hiền		16/12/1980	Đại học	Sư phạm Vật lý	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Nguyễn Huệ			82	80	81		81	Không trúng tuyển	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Vị trí đăng ký tuyển dụng	Đơn vị đăng ký xét tuyển	Nhu cầu tuyển dụng	Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn (Đơn vị tính: điểm, tối đa 100 điểm)			Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
		Nam	Nữ							Giám khảo 1	Giám khảo 2	Điểm Trung bình				
14	Nguyễn Thị Ngọc Phụng		07/09/1998	Đại học	Sư phạm Vật lý	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Nguyễn Huệ	1		75	72	73,5		73,5	Không trúng tuyển	
15	Vân Thị Bích Tuyền		17/09/1988	Đại học	Sư phạm Vật lý	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Nguyễn Huệ			71	74	72,5		72,5	Không trúng tuyển	
16	Trần Phạm Diễm Trinh		26/05/1999	Đại học	Sư phạm Vật lý	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Nguyễn Huệ			70	72	71		71	Không trúng tuyển	
17	Phan Thị Hiếu		07/09/1996	Đại học	Sư phạm Vật lý	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Nguyễn Huệ			55	52	53,5		53,5	Không trúng tuyển	
18	Phạm Thị Nga		26/02/1999	Đại học	Sư phạm Vật lý	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Nguyễn Huệ	1		50	48	49		49	Không trúng tuyển	
19	Lê Thị Diễm Kiều		04/02/1997	Đại học	Sư phạm Vật lý	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Nguyễn Huệ			50	48	49		49	Không trúng tuyển	
20	Nguyễn Phạm Thanh Nguyễn		22/07/1990	Trung cấp	Kế toán	Thủ quỹ	Trường THCS Nguyễn Huệ			90	90	90		90	Trúng tuyển	
21	Lê Bùi Hoàng Thơ		22/11/1995	Đại học	Sư phạm Lịch sử	Giáo viên Lịch sử	Trường THCS Hậu Giang	1		81	80	80,5		80,5	Trúng tuyển	
22	Nguyễn Ngọc Thanh Vy		21/10/1999	Đại học	Sư phạm Ngôn ngữ Anh	Giáo viên Tiếng Anh	Trường THCS Hậu Giang	2		83	84	83,5		83,5	Trúng tuyển	
23	Hồng Ngọc Chiêu Thư		25/09/1997	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Giáo viên Tiếng Anh	Trường THCS Hậu Giang			72	74	73		73	Trúng tuyển	
24	Nguyễn Minh Cường	19/12/1990		Thạc sĩ	Hóa hữu cơ	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Hậu Giang	1		81	80	80,5		80,5	Trúng tuyển	
25	Nguyễn Thị Hồng Anh		13/11/1997	Đại học	Sư phạm Hóa học	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Hậu Giang			76	74	75		75	Không trúng tuyển	
26	Lưu Hồng		19/10/2019	Đại học	Sư phạm Hóa học	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Hậu Giang		Dân tộc Hoa	70	70	70	5	75	Không trúng tuyển	
27	Nguyễn Hoàng Minh	10/07/1997		Đại học	Sư phạm Hóa học	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Hậu Giang			73	73	73		73	Không trúng tuyển	
28	Nguyễn Thị Ái Như		26/03/1999	Đại học	Sư phạm Hóa học	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Hậu Giang	1		67	68	67,5		67,5	Không trúng tuyển	
29	Trần Thị Bích Hào		06/05/1999	Đại học	Sư phạm Hóa học	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Hậu Giang			55	55	55		55	Không trúng tuyển	
30	Nguyễn Thị Hồng Thắm		10/03/1994	Đại học	Sư phạm Địa lý	Giáo viên Địa lý	Trường THCS Lữ Gia			90	90	90		90	Trúng tuyển	

Page 3

STT	Họ và Tên	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Vị trí đăng ký tuyển dụng	Đơn vị đăng ký xét tuyển	Nhu cầu tuyển dụng	Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn (Đơn vị tính: điểm, tối đa 100 điểm)				Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
		Nam	Nữ							Giám khảo 1	Giám khảo 2	Điểm Trung bình					
31	Phạm Thị Mỹ Hằng		30/08/1997	Đại học	Sư phạm Địa lý	Giáo viên Địa lý	Trường THCS Lữ Gia			46	45	45,5			45,5	Không trúng tuyển	
32	Hà Thanh Trúc		21/04/1986	Đại học	Kế toán	Kế toán	Trường THCS Lữ Gia	1	Con thương binh	60	60	60		5	65	Trúng tuyển	
33	Trần Hoàng Phú	15/05/1986		Đại học	Kế toán	Kế toán	Trường THCS Lữ Gia				20	20	20			20	Không trúng tuyển
34	Nguyễn Thị Thu Phương		09/09/1999	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Nguyễn Minh Hoàng	1		56	55	55,5			55,5	Trúng tuyển	

Tổng cộng danh sách có 34 trường hợp; trong đó: 15 trường hợp trúng tuyển, 19 trường hợp không trúng tuyển

